Giới thiệu Jquery

Nội dung

- 1. Giới thiệu về Jquery
- 2. Sử dụng Jquery
- 3. Các kỹ thuật cơ bản
- 4. Thao tác trên các thể HTML

1. Giới thiệu về JQuery

JQuery là gì?

- Thư viện Javascript
- Hỗ trợ viết code Javascript đơn giản hơn
- Dễ học
- "Write less, do more"

JQuery là gì?

- Lần đầu giới thiệu năm 2006
- Là thư viện JS được sử dụng phổ biến nhất
- Version hiện tại: 3.3.1
- Home: https://jquery.com/



JQuery làm được gì?

- Tương tác dễ dàng đến các thẻ HTML (chèn thẻ, sửa nội dung,
 xoá thẻ, ...)
- Thao tác đến các thuộc tính CSS của thẻ
- Xử lý các sự kiện HTML (sự kiện chuột, bàn phím, ...)
- Tạo hiệu ứng cho trang web dễ dàng
- Hỗ trợ AJAX

2. Sử dụng JQuery

- Chúng ta bắt đầu với 1 trang HTML thông thường

```
<!DOCTYPE html>
     <html lang="en">
     <head>
         <meta charset="UTF-8">
         <meta name="viewport" content="width=device-width, initial-scale=1.0">
         <meta http-equiv="X-UA-Compatible" content="ie=edge">
 6
         <title>Document</title>
     </head>
 8
     <body>
 9
10
11
     </body>
     </html>
12
```

- Download thư viện



- Gắn thư viện vào trang HTML

```
<!DOCTYPE html>
     <html lang="en">
     <head>
         <meta charset="UTF-8">
 4
 5
         <meta name="viewport" content="width=device-width, initial-scale=1.0">
 6
         <meta http-equiv="X-UA-Compatible" content="ie=edge">
         <title>Document</title>
 8
     </head>
 9
     <body>
10
11
         <script src="./jquery-3.3.1.min.js"></script>
12
     </body>
     </html>
13
```

- Sử dụng Jquery

```
<!DOCTYPE html>
     <html lang="en">
     <head>
         <meta charset="UTF-8">
         <meta name="viewport" content="width=device-width, initial-scale=1.0">
         <meta http-equiv="X-UA-Compatible" content="ie=edge">
         <title>Document</title>
     </head>
     <body>
10
         <script src="./jquery-3.3.1.min.js"></script>
         <script>
             $(document).ready(function () {
13
                 alert(1);
14
             })
         </script>
     </body>
17
     /html
18
```

- Cú pháp cơ bản

```
$(selector).action()
```

\$: kí hiệu đại diện cho jQuery

selector: bộ chọn dùng để xác định element (thẻ HTML)

action: một hành động / phương thức của jQuery cung cấp, để tương tác với element

```
- Ví dụ
$(p).hide()
$(\\mathref{\mathref{menu'}}.show()
$(\\\.box').hide()
```

- Các sự kiện cơ bản

```
$(document).ready(function() {
    alert(1);
});
```

```
window.onload = function() {
    alert(1);
});
```

jQuery javascript

- Các sự kiện cơ bản

```
<button id="btn">
    Click here
</button>
$('#btn').click(function() {
    alert(1);
});
```

```
<button id="btn"</pre>
         onclick="process()">
    Click here
</button>
function process() {
    alert(1)
```

jQuery javascript

- Các sự kiện cơ bản

Mouse Event	Keyboard Event	Form Event	Document/Window Event
click	keypress	submit	load
dbclick	keydown	change	resize
mouseenter	keyup	focus	scroll
mouseleave		blur	unload

4. Thao tác các thẻ HTML

Lấy giá trị, nội dung thẻ

Có 3 phương thức để lấy giá trị, nội dung thẻ

- text()
- html()
- val()

Lấy giá trị, nội dung thẻ

```
This is some <b>bold</b> text in a paragraph.
$ (document) . ready (function() {
    $("#btn1").click(function(){
        alert("Text: " + $("# test").text());
    });
    $("#btn2").click(function(){
        alert("HTML: " + $("# test").html());
    });
});
```

Gán giá trị, nội dung thẻ

```
This is some <b>bold</b> text in a paragraph.
<input id="text" />
$ (document) . ready (function() {
    $("#btn1").click(function(){
        $("#test").text("Hello");
    });
    $("#btn2").click(function(){
        $("#test").html("<h1>Hello</h1>");
    });
    $("#btn3").click(function(){
        $("#text").val("Hello");
    });
```

Có 4 phương thức để thao tác với CSS

- addClass()
- removeClass()
- toggleClass()
- css()

```
This is some <b>bold</b> text in a paragraph.
$ (document) . ready (function () {
    $("#btn1").click(function(){
        $("h1, h2, p").addClass("blue");
        $("div").addClass("important");
    });
});
```

```
This is some <b>bold</b> text in a paragraph.
$ (document) . ready (function() {
    $("#btn1").click(function(){
       $("h1, h2, p").removeClass("blue");
    });
});
```

```
This is some <b>bold</b> text in a paragraph.
$ (document) . ready (function() {
    $("#btn1").click(function(){
       $("h1, h2, p").toggleClass("blue");
    });
});
```

```
Hàm .css() có 2 công dụng
```

- Lấy giá trị các thuộc tính css
- Gán giá trị các thuộc tính css

Cú pháp

```
css("property_name")
css("property name", "value")
```

```
This is some <b>bold</b> text in a paragraph.
$ (document) . ready (function() {
   $("#btn1").click(function(){
       console.log($("p").css("background-color"));
   });
});
```

Giới thiệu Bootstrap